

L I C M N

Đ c s phân công, g i thi u c a nhà tr ng và s đ ng ý c a toàn th các th y cô giáo trong khoa Tài chính - Ngân hàng, em đã có m t kho ng th i gian đ c th c t p ngh nghi p t i Ngân hàng Nông nghi p và Phát tri n Nông thôn chi nhánh B c sông H ng - Th a Thiên Hu t ngày 31/12/2018 đ n ngày 21/4/2019. Đây là kho ng th i gian ý nghĩa và vô cùng quý báu đ em tích lũy đ c nhi u ki n th c cũng nh kinh nghi m cho ngành ngh t ng lai mà em đã l a ch n theo đ i.

Vì v y, tr c khi đi vào trình bày n i dung c a bài khóa lu n t t nghi p, em xin chân thành c m n Ban giám hi u nhà tr ng cũng nh toàn th giáo viên tr ng Đ i h c Kinh T Hu , đ c bi t là cô giáo **Tr n Th Bích Ng c** và các anh ch cán b tín đ ng Ngân hàng Nông nghi p và Phát tri n Nông thôn Vi t Nam chi nhánh B c sông H ng đã đóng góp nh ng ý ki n quý báu giúp em hoàn thành bài báo cáo th c t p ngh nghi p l n này.

Em r t mong nh n đ c nhi u ý ki n đóng góp, phê bình c a quý th y cô giáo đ em có th rút kinh nghi m, s a ch a, hoàn thi n h n các bài báo cáo sau này.

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan:

- ✓ Nội dung nêu trong báo cáo này là do em thực hiện dưới sự hướng dẫn trực tiếp của cô giáo Trần Thị Bích Ngọc.
- ✓ Mọi tham khảo dùng trong báo cáo này đều được trích dẫn nguồn, nguồn thực hiện, thời gian...
- ✓ Mọi sao chép không hợp lệ, vi phạm quy chế đào tạo, hay gian lận em xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Huế, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Sinh viên thực tập

Hoàng Quang Thạch

TÓM TẮT NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

Mục tiêu của đề tài này là nghiên cứu chi tiết trên mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ với khách hàng doanh nghiệp, đồng thời thu thập số dữ liệu về xếp hạng tín dụng của 20 doanh nghiệp ngẫu nhiên, sau đó phân tích và đưa ra so sánh giữa hai mô hình là Z-Score và mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ của ngân hàng Agribank để tìm hiểu các chỉ tiêu đóng vai trò then chốt, hình thành nên kết quả xếp hạng tín dụng của khách hàng nhằm giúp cho các cấp quản trị, các phòng ban chức năng có công cụ hữu hiệu để kiểm soát, điều chỉnh kết quả một cách kịp thời và khách quan, góp phần giúp ích cho việc cải thiện và hoàn thiện mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ của Ngân hàng Agribank Việt Nam.

Phần chính của luận văn gồm 74 trang, được chia làm ba phần. Chi tiết nghiên cứu mỗi phần được phân tích trong các phần tiếp theo.

MỤC LỤC	
LỜI CẢM ƠN.....	1
LỜI CAM ĐOAN.....	2
TÓM TẮT NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI.....	3
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	8
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	9
PHẦN 1: ĐỀ TÀI VÀ NỘI DUNG.....	11
1. Lý do lựa chọn đề tài.....	11
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	12
2.1. Mục tiêu tổng quát.....	12
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	13
3. Đối tượng nghiên cứu.....	13
4. Phạm vi nghiên cứu.....	13
5. Phương pháp nghiên cứu.....	13
6. Kết cấu của bài khóa luận.....	14
PHẦN 2: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	16
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ XẾP HẸNG TÍN DỤNG TRONG NGÂN HÀNG	
THỰC NGHIỆP VÀ MÔ HÌNH Z-SCORE.....	16
1.1. Tổng quan về xếp hạng tín dụng.....	16
1.1.1. Khái niệm xếp hạng tín dụng.....	16
1.1.2. Sự ra đời và phát triển của xếp hạng tín dụng.....	17
1.1.3. Đối tượng xếp hạng tín dụng.....	18
1.1.4. Vai trò của xếp hạng tín dụng.....	19
1.1.5. Nguyên tắc xếp hạng tín dụng.....	22

1.1.6. Quy trình xếp hạng tín dụng.....	22
1.1.7. Phương pháp xếp hạng tín dụng và ưu nhược điểm.....	24
1.2. Mô hình xếp hạng tín dụng của một số tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế.	26
1.2.1. Standard & Poor's (S&P)	26
1.2.2. Moody's.....	27
1.2.3. Fitch.....	27
1.3. Giới thiệu mô hình Z-Score	28
1.4. Nghiên cứu thực địa về mô hình Z-Score.....	31
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	34
CHƯƠNG 2: ỨNG DỤNG MÔ HÌNH Z-SCORE TRONG XẾP HẠNG TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM, CHI NHÁNH BẮC SÔNG HỒNG –THÀNH PHỐ THIÊN HƯNG	35
2.1. Giới thiệu về cơ sở thực tiễn.....	35
2.1.1. Giới thiệu chung về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	35
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	35
2.1.3. Giới thiệu về chi nhánh NHNo&PTNT Bắc sông Hồng ngân hàng Agribank	37
2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của Agribank chi nhánh Bắc sông Hồng – Thành Phố Thiên Hưng giai đoạn 2016 đến 2018.....	40
2.2.1. Tình hình huy động vốn.....	40
2.2.2. Tình hình hoạt động tín dụng	42
2.3. Hệ thống xếp hạng tín dụng doanh nghiệp tại Agribank.....	44

2.3.1. Phương pháp xếp hạng tín dụng doanh nghiệp	44
2.3.2. Điều kiện xếp hạng tín dụng doanh nghiệp	45
2.3.3. Mô hình xếp hạng tín dụng doanh nghiệp.....	45
2.3.4. Quy trình xếp hạng tín dụng doanh nghiệp	46
2.3.5. Thước trình độ xếp hạng XHTD doanh nghiệp tại Agribank	52
2.4. So sánh hệ thống xếp hạng doanh nghiệp của Agribank với một số TCTD tại Việt Nam.....	54
2.4.1. Điểm giống nhau	55
2.4.2. Điểm khác nhau.....	55
2.5. Đánh giá hệ thống xếp hạng tín dụng doanh nghiệp của Agribank	57
2.6. Ứng dụng mô hình Z-Score trong xếp hạng tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Bắc sông Hồng – Thừa ThiênHuế.....	58
2.6.1. Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp vay vốn tại Agribank bằng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ	57
2.6.2. Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp vay vốn tại Agribank bằng mô hình Z-Score.....	62
2.6.3. Kết quả vận dụng mô hình Z-Score trên nhu cầu doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với Agribank, chi nhánh Bắc sông Hồng – Thừa Thiên Huế	64
KẾT LUẬN CHUNG II.....	71
CHƯƠNG 3: ĐÌNH HÌNH ỨNG DỤNG MÔ HÌNH Z-SCORE NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM, CHI NHÁNH BẮC SÔNG HỒNG – THỪA THIÊN HUẾ	72
3.1. Định hình phát triển của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đến năm 2020	72

3.2. Định hình nội dung sơ đồ mô hình Z-Score hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại Agribank.....	73
3.2.1. Đồ suất hoàn thiện mô hình XHTD doanh nghiệp tại Agribank bằng mô hình Z-Score	73
3.2.2. Kiểm chứng mô hình XHTD doanh nghiệp tại Agribank sau điều chỉnh theo tình huống nghiên cứu công ty cổ phần B.....	77
3.2.3. Kiểm chứng mô hình XHTD doanh nghiệp tại Agribank sau điều chỉnh theo tình huống doanh nghiệp số 17.....	79
3.3. Nhóm giải pháp và quản trị điểu hành	81
3.3.1. Mối liên hệ thông tin riêng của Agribank	81
3.3.2. Tăng cường công tác đào tạo cán bộ tín dụng và xếp hạng tín dụng.....	82
3.3.3 Tăng cường kiểm tra chất lượng công tác xếp hạng tín dụng	83
3.3.4 Sắp xếp lại bộ phận thực hiện công tác XHTD doanh nghiệp	84
3.4. Một số kiến nghị.....	84
3.4.1. Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	84
3.4.2. Đối với ngân hàng nhà nước	84
3.4.3. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước	86
KẾT LUẬN CHUNG III.....	88
PHỤ LỤC 3: KẾT LUẬN	89
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	90
PHỤ LỤC	91

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Z-SCORE	Hệ số đo báo phá sản
CIC	Trung tâm Thông tin Tín dụng (là một đơn vị hành chính, hệ thống thông tin trực thuộc quy định quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)
AGRIBANK	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
NHNo & PTNT	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
No & PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
NHNN	Ngân hàng nhà nước
XHTD	Xếp hạng tín dụng
NHTM	Ngân hàng thương mại
KH	Khách hàng
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
HĐTD	Hợp đồng tín dụng
BCTC	Báo cáo tài chính

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Khả năng dự báo chuỗi Z-Score thực tế

Bảng 2.1: Tình hình huy động vốn của Agribank, Chi nhánh Bắc Sông Hồng – Thừa Thiên Huế.

Bảng 2.2: Kết quả số động vốn của Agribank– Chi nhánh Thừa Thiên Huế.

Bảng 2.3: Minh họa bảng thang điểm, trọng số và bảng giá trị chuẩn.

Bảng 2.4: Bảng xác định quy mô doanh nghiệp.

Bảng 2.5: Bảng tính trọng số của từng nhóm chỉ tiêu phi tài chính áp dụng riêng cho từng loại hình doanh nghiệp đã có quan hệ tín dụng.

Bảng 2.6: Bảng tính trọng số của từng nhóm chỉ tiêu phi tài chính áp dụng riêng cho từng loại hình doanh nghiệp mới có quan hệ tín dụng.

Bảng 2.7: Trọng số các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính chấm điểm XHTD doanh nghiệp theo báo cáo tài chính.

Bảng 2.8: Xếp hạng và phân loại nhóm nợ trong hệ thống XHTD của Agribank.

Bảng 2.9: Chính sách tín dụng dựa trên kết quả XHTD nội bộ của Agribank.

Bảng 2.10: Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng dựa trên kết quả XHTD của Agribank.

Bảng 2.11: Hồ sơ rủi ro chấm điểm XHTD doanh nghiệp mới thành lập của VCB.

Bảng 2.12: Bảng cân đối kế toán của công ty cổ phần B.

Bảng 2.13: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần B.

Bảng 2.14: Chi tiết chấm điểm các chỉ tiêu tài chính của Công ty cổ phần B.

Bảng 2.15: Chi tiết chỉ tiêu dự báo nguy cơ phá sản của công ty cổ phần B.

Bảng 2.16: Thông tin thu thập từ BCTC của 20 doanh nghiệp tại Agribank, Chi nhánh Bắc sông Hồng, Thừa Thiên Huế.

Bảng 2.17: Kết quả xếp hạng tín dụng cho 20 doanh nghiệp được chọn.

Bảng 2.18: So sánh kết quả giữa 2 mô hình.

Bảng 3.1: Chiếm điểm chi tiêu để báo nguy cơ phá sản của doanh nghiệp.

Bảng 3.2: Trùng số các chi tiêu tài chính, phí tài chính và chi tiêu để báo nguy cơ phá sản của doanh nghiệp theo báo cáo tài chính.

Bảng 3.3: Hệ số rủi ro XHTD doanh nghiệp mới thành lập

Bảng 3.4: Chi tiêu chi tiêu để báo nguy cơ phá sản của công ty cổ phần B trong mô hình để xuất số a để i.

Bảng 3.5: Chi tiêu chi tiêu để báo nguy cơ phá sản của doanh nghiệp số 17 trong mô hình để xuất số a để i.

PHẦN 1: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do lựa chọn đề tài

Hiện nay, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành mục tiêu chung của nhiều quốc gia, Việt Nam cũng đang từng bước vươn lên, hòa mình vào dòng chảy chung của khu vực và thế giới. Hội nhập đã và đang đem lại nhiều cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng, song nó cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro thách thức, một trong những thách thức đó là yêu cầu minh bạch hóa thông tin, kiểm soát rủi ro trong hệ thống ngân hàng. Đặc biệt, trong thời gian gần đây các vụ khủng hoảng liên tiếp xảy ra trên thị trường tài chính thế giới, các vụ phá sản của các ngân hàng lớn thì yêu cầu an ninh tín dụng, kiểm soát rủi ro trở nên bức thiết hơn bao giờ hết.

Trong kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam, lợi nhuận tối đa hóa luôn luôn chiếm vị trí quan trọng trong thu nhập của các ngân hàng. Tuy nhiên, lợi nhuận này luôn tiềm ẩn rủi ro cao, đặc biệt là ở các nước mà hệ thống thông tin thiếu minh bạch và không đầy đủ, trình độ quản trị rủi ro còn nhiều hạn chế, tính chuyên nghiệp của cán bộ ngân hàng chưa cao...như Việt Nam. Do đó yêu cầu xây dựng một mô hình quản trị rủi ro tín dụng có hiệu quả và phù hợp với tiêu chuẩn thế giới là một đòi hỏi bức thiết đối với bộ phận quản trị rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng, hàng ngày đến các chủ thể quốc tế trong quản trị rủi ro và phù hợp với môi trường hội nhập.

Xếp hạng tín dụng là một công cụ hiệu quả, mang tính khoa học trong quản trị rủi ro tín dụng thông qua việc phân tích các đánh giá và đưa ra các quyết định phù hợp. Việc xây dựng công cụ xếp hạng tín nhiệm ở nhiều nước trên thế giới đã trở thành thông lệ và thông lệ nhằm xóa tan khoảng trống thông tin giữa các nhà đầu tư, các nhà kinh doanh. Do vậy, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đặc biệt là hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ với khách hàng là doanh nghiệp đang được các ngân hàng thế giới quan tâm nhằm tăng cường khả năng dự báo trong quản trị rủi ro tín dụng từ đó giảm bớt tổn thất cho chủ thể phải trích lập dự phòng rủi ro, đáp ứng yêu cầu của

ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, rủi ro là một phạm trù định tính để đo lường gián tiếp qua một số chỉ tiêu định lượng thì không có tính tuyệt đối, vì vậy xếp hạng rủi ro cho bảng một mô hình là chưa đủ, chưa đủ để chính xác cao. Ngoài mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ thì còn có nhiều mô hình khác để đánh giá, chẳng hạn, xếp hạng tín dụng khách hàng khác như mô hình Logistic, phương pháp xếp hạng tín nhiệm của Fitch,... Trong bài nghiên cứu này, em sẽ dùng mô hình Z - Score để xếp hạng tín dụng của khách hàng doanh nghiệp, bởi vì đây là mô hình đơn giản, dễ sử dụng, và có độ tin cậy cao trong việc dự báo một công ty có khả năng phá sản hay không.

Bên cạnh đó, mặc dù ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) là ngân hàng 100% vốn Nhà nước và được đánh giá cao trong lĩnh vực tín dụng. Đồng thời, Agribank cũng đã xây dựng và sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Tuy nhiên, thời gian gần đây, tình hình nợ xấu ngày càng tăng, khả năng thanh toán yếu dần qua các năm, trích lập dự phòng rủi ro gia tăng. Điều này sẽ tạo ra nhiều rủi ro cho Agribank trong quá trình cấp tín dụng. Xuất phát từ thực tiễn trên, em chọn đề tài “**Ứng dụng mô hình Z - Score để xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Bắc sông Hồng – Thừa Thiên Huế**” làm đề tài nghiên cứu trong bài Khóa luận tốt nghiệp của mình với hi vọng góp phần nhỏ để hệ thống xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng phù hợp hơn với tiêu chuẩn quốc tế.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Áp dụng mô hình Z - Score để xếp hạng tín dụng các khách hàng doanh nghiệp tại Agribank, Chi nhánh Bắc sông Hồng, Thừa Thiên Huế. Sau đó so sánh kết quả giữa mô hình Z - Score với mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ của ngân hàng, nhận định được mô hình nào phù hợp và có tính chính xác cao hơn. Từ đó có thể đưa ra kiến nghị áp dụng mô hình Z - Score vào xếp hạng tín dụng nội bộ của ngân hàng, giúp ngân

hàng tính toán để có được rõ ràng một cách chính xác hơn, là có sự để ý quan hệ tín dụng với khách hàng.

2.2. Mục tiêu của thí

Nghiên cứu có sự lý luận hiện đại về xếp hạng tín nhiệm, hệ thống đánh giá xếp hạng tiên tiến của những tổ chức xếp hạng lớn trên thế giới như S&P, Moody, Fitch và mô hình điểm số tín dụng Z-Score của Edward I. Altman đang được áp dụng phổ biến trên thế giới từ đó rút ra kinh nghiệm về xếp hạng tín dụng doanh nghiệp cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam nói chung và ngân hàng Agribank nói riêng.

Ứng dụng mô hình Z-score để xếp hạng tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của Agribank. Từ đó so sánh với kết quả xếp hạng tín dụng theo mô hình XHTD hiện tại của Agribank.

- Đề xuất những giải pháp trong việc áp dụng mô hình Z - Score để xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp từ đó hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp của Agribank.

3. Đối tượng nghiên cứu

Vấn đề mô hình Z - Score trong xếp hạng tín dụng tại Agribank, chi nhánh Bắc sông Hồng, Thừa Thiên Huế đối với khách hàng là doanh nghiệp.

4. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Nghiên cứu dựa trên tài liệu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Bắc sông Hồng, Thừa Thiên Huế.

Về thời gian: Từ 31/12/2018 đến 21/4/2019.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Tìm kiếm những nguồn tài liệu tham khảo đưa vào các tài liệu các khóa luận tốt nghiệp để trích, sách báo, Internet, dựa trên nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước cùng với sự hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn.

Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu được thu thập từ các báo cáo thường niên, các báo cáo tình kết hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Agribank chi nhánh Bắc sông Hồng – Thừa Thiên Huế, các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với Agribank.

+ Phương pháp phân tích số liệu: để làm rõ thực trạng của hệ thống xếp hạng tín dụng doanh nghiệp của Agribank.

+ Phương pháp so sánh: để so sánh các chỉ tiêu đánh giá, phương pháp đánh giá của hệ thống xếp hạng tín dụng tại Agribank với mô hình Z – Score.

Phương pháp vận dụng mô hình Z – Score để đưa ra những nhận định nhằm hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng doanh nghiệp của Agribank.

6. Kết cấu của bài khóa luận

Ngoài phần mở đầu, tài liệu tham khảo, danh mục các chữ viết tắt, danh mục hình ảnh, bảng biểu thì kết cấu của luận văn gồm 3 phần chi tiết như sau:

Phần 1: Đặt vấn đề

Phần 2: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương I: Tổng quan về Xếp hạng tín dụng trong Ngân hàng thương mại và mô hình Z-Score.

Trình bày các vấn đề tổng quan về xếp hạng tín dụng, kinh nghiệm XHTD của một số tổ chức trên thế giới và bài học XHTD cho một số tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Giới thiệu mô hình Z-Score.

Chương II: Ứng dụng mô hình Z-Score trong Xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Bắc sông Hồng – Thừa Thiên Huế.

Trình bày thực trạng hệ thống XHTD doanh nghiệp tại Agribank. Từ đó tiến hành phân tích, đánh giá, so sánh kiểm chứng bằng mô hình Z-Score để rút ra những thành tựu, hạn chế, xác định nguyên nhân để bổ sung, hoàn thiện các chỉ tiêu, phương

pháp XHTD doanh nghiệp và công tác phân loại n.

Chương III: Định hình sđng mô hình Z-Score nhằm hoàn thiện công tác xđng tín đng khách hàng doanh nghiệp tđi ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Bc sông Hồng – Thừa Thiên Huế.

Trình bày các giải pháp đng mô hình Z-Score đđ hoàn thiện hđ thđng XHTD khách hàng doanh nghiệp tđi Agribank.

Phần 3: Kết luận

PHẦN 2: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ XẾP HẸNG TÍN DỤNG TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ MÔ HÌNH Z-SCORE

1.1. Tổng quan về xếp hạng tín dụng

1.1.1. Khái niệm xếp hạng tín dụng

Credit ratings được dịch với nhiều nghĩa khác nhau như xếp hạng tín nhiệm, xếp hạng tín dụng, định mức tín dụng, định mức tín nhiệm, đánh giá tín nhiệm...trong luận văn chúng tôi sử dụng thuật ngữ là xếp hạng tín dụng vì khái niệm này được xem xét khi được đề cập trong ngân hàng do đó mục đích của việc xếp hạng tín nhiệm cũng là nhằm mục đích của xếp hạng tín dụng.

Cho đến nay khó có thể đưa ra một khái niệm rõ ràng về xếp hạng tín dụng. Tùy theo góc độ nghiên cứu mà có nhiều định nghĩa khác nhau về “xếp hạng tín dụng”:

- Theo công ty Moody's thì xếp hạng tín dụng là những ý kiến đánh giá về chất lượng tín dụng và khả năng thanh toán của chủ thể đi vay dựa trên những phân tích tín dụng cẩn thận và biểu hiện thông qua hệ thống ký hiệu Aaa tới C (Moody's, 2011).

- Theo tổ chức xếp hạng Standards & Poor thì xếp hạng tín dụng là những ý kiến đánh giá về rủi ro tín dụng, khả năng và sẵn sàng thanh toán các nghĩa vụ tài chính một cách đầy đủ và đúng hạn của một chủ thể phát hành như một doanh nghiệp, một Chính phủ hoặc một ủy ban nhân dân. Xếp hạng tín dụng cũng được cấp đến chủ thể tín dụng của một khoản nợ riêng lẻ, như một trái phiếu doanh nghiệp hoặc một trái phiếu của chính quyền địa phương, và xác suất trả nợ đầy đủ mà khoản phát hành đó có thể thực hiện (Standards & Poor, 2011).

Như vậy, có thể hiểu một cách khái quát về xếp hạng tín dụng là những ý kiến đánh giá về chất lượng tín dụng, khả năng và sẵn sàng thanh toán các nghĩa vụ tài chính (bao gồm gốc và lãi) một cách đầy đủ và đúng hạn của chủ thể xếp hạng trong

suốt thời gian từ khi có đến nay, các xếp hạng đó, được thể hiện thông qua hệ thống phân loại kí hiệu để xác định trình độ.

1.1.2. Sự ra đời và phát triển của xếp hạng tín dụng

Xếp hạng tín dụng (credit ratings) là thuật ngữ bắt nguồn từ tiếng Anh (credit: là tín dụng, ratings: là xếp hạng) do John Moody đưa ra vào năm 1909 khi đánh giá tín dụng các doanh nghiệp ngành đường sắt.

Cùng năm đó, cuốn “cẩm nang chứng khoán đường sắt” được phát hành dựa trên việc nghiên cứu, phân tích và công bố bảng xếp hạng tín dụng đầu tiên cho 1.500 trái phiếu của 250 công ty theo một hệ thống ký hiệu được xếp lên tới là Aaa đến C (hiện nay những ký hiệu này đã trở thành chuẩn mực quốc tế) (Mulligan, 2009).

Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp chỉ phát triển nhanh mẽ sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 khi hàng loạt các công ty vay nợ bị phá sản, vỡ nợ. Thời kỳ này Chính phủ Hoa Kỳ đã có nhiều quy định về việc cầm các định chế tài chính bị vỡ nợ để mua trái phiếu có độ tin cậy thấp để đảm bảo an toàn trong bảng XHTD. Những quy định này làm cho uy tín của các công ty XHTD ngày một lên cao. Trong suốt hơn 50 năm, việc XHTD chỉ được thay đổi rất ít, cho tới những năm 1970 đến nay, dịch vụ XHTD mới mở rộng và phát triển khá mạnh mẽ nhiều nước. Có thể là sự ra đời của công ty Fitch Investor Service (1924), Standard and Poor (1941), công ty xếp hạng trái phiếu Canada – Canadian Bond Rating service (1972), tổ chức xếp hạng trái phiếu Nhật Bản – Japanese Bond Rating Institute (1975), công ty Duff and Phelps (1982).

Số lượng tăng dần, trong những năm 1970 các cơ quan xếp hạng đều chỉ có một số nhân viên phân tích thì đến năm 1980 theo báo cáo của Partnoy S&P có 30 chuyên gia trong nhóm công nghiệp và đến năm 1986 con số này đã lên tới 40. Năm 1995, S&P có 800 nhà phân tích và tổng cộng là 1200 nhân viên; Moody's cũng mở rộng với tổng cộng 560 nhà phân tích và tổng cộng 1700 nhân viên. Sự tăng trưởng về số lượng nhân sự chỉ trong một số mở rộng của các công ty xếp hạng tín dụng.

Cùng với sự phát triển của thị trường trái phiếu các tổ chức xếp hạng tín dụng của các quốc gia trên thế giới cũng lần lượt ra đời: Philippnes (1982), kế đó là Malaysia (1991), Việt Nam (9/1992) với tên Phòng thông tin phòng ngừa rủi ro (TPR) thuộc Vốn tín dụng – Ngân hàng nhà nước; Thái Lan (1993), Trung Quốc (1994), Indonesia (1995). Một số quốc gia việc xếp hạng tín dụng đang dần trở nên minh bạch và là yêu cầu quan trọng khi xem xét, đánh giá chất lượng đi vay, chất lượng phát hành trái phiếu,... Sự phát triển của các tổ chức xếp hạng tín dụng trên thế giới cũng đang trở nên quan trọng của việc xếp hạng tín dụng trong hoạt động tài chính.

1.1.3. Định nghĩa xếp hạng tín dụng

Có nhiều cách để phân loại xếp hạng tín dụng. Tùy thuộc vào các căn cứ khác nhau, theo (Bhatia and Batra 1996, p.287) có thể phân loại như sau:

1.1.3.1. Xếp hạng tín dụng cá nhân

Là hình thức xếp hạng được áp dụng đối với khách hàng cá nhân tham gia vào hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại. Việc xếp hạng tín dụng cá nhân được thực hiện dựa trên lịch sử vay – trả nợ, số lượng và loại tài sản đảm bảo mà cá nhân đó đang sở hữu, những khoản thanh toán chậm trễ hay quá hạn... Tất cả thông tin đó đều được thu thập và tổng hợp trong các báo cáo xếp hạng tín dụng về cá nhân đó.

1.1.3.2. Xếp hạng tín dụng doanh nghiệp

Là hình thức tập trung vào đối tượng xếp hạng là các doanh nghiệp. Việc xếp hạng tín dụng doanh nghiệp được thực hiện bằng nhiều phương pháp khác nhau, nhưng với các biến số dựa trên các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính của doanh nghiệp để đánh giá.

1.1.3.3. Xếp hạng tín dụng ngành

Là hình thức xếp hạng được áp dụng cho các ngành kinh tế. Việc xếp hạng tín dụng ngành dựa trên những đóng góp của ngành đó đối với nền kinh tế, đặc biệt là xác định ngành then chốt trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, và chủ yếu liên quan đến công nghệ của ngành.

1.1.3.4. Xếp hạng tín dụng quốc gia

Loại hình xếp hạng tín dụng này đánh giá mức độ tin cậy của một quốc gia, để từ đó có thể so sánh môi trường đầu tư giữa các quốc gia. Quốc gia nào càng được xếp hạng tín dụng cao thì càng nhận được sự tín dụng của các nhà đầu tư nước ngoài nên sẽ thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư. Việc xếp hạng tín dụng quốc gia dựa trên các chỉ số phát triển chung như: chỉ số phát triển các ngành, chỉ số an toàn vốn đầu tư, tốc độ tăng trưởng kinh tế của quốc gia, mức độ bình ổn chính trị...

1.1.3.5. Xếp hạng tín dụng các công cụ đầu tư

Xếp hạng tín dụng các công cụ đầu tư như: trái phiếu công ty, trái phiếu chính phủ và các loại trái phiếu, kì phiếu ngân hàng. Mục đích của việc xếp hạng tín dụng hiện nay còn xếp hạng tín dụng cho các loại trái phiếu khác nhau, các loại trái phiếu khác nhau... Việc xếp hạng tín dụng với các công cụ đầu tư được thực hiện dựa trên một số chỉ tiêu như: khả năng thanh toán, kì hạn, lãi suất, mệnh giá, các rủi ro có thể gặp phải.

Nhiều nhà đầu tư hiện nay mới chỉ tập trung xếp hạng cá nhân và các doanh nghiệp tham gia hoạt động tín dụng ở các ngân hàng thương mại, xếp hạng doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán. Xếp hạng quốc gia thì chúng ta chưa có khả năng thực hiện mà chỉ dành cho những người xếp hạng lớn như Moody's, Stand and Poor hay Fitch,... xếp hạng. Xếp hạng các công cụ đầu tư còn chưa được chú ý.

1.1.4. Vai trò của xếp hạng tín dụng

Theo (S&P 2011) xếp hạng tín dụng có vai trò đối với các đối tượng sau:

1.1.4.1. Đối với ngân hàng thương mại

* Hạn chế rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng thường chiếm tỷ trọng cao nhất trong hoạt động của ngân hàng thương mại, chính vì vậy khi khách hàng vay góp phần giảm thiểu rủi ro đến đến không trở nên gánh nặng cho ngân hàng thì sẽ ảnh hưởng ngay đến nguồn vốn hoạt động của ngân hàng để

thời gian của các hoạt động khác mà thiết bị liên nhận là đơn vị nguy cơ phá sản của ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro tín dụng bên cạnh các biện pháp truyền thống, thì xếp hạng tín dụng khách hàng là một công cụ hỗ trợ hữu hiệu trong việc ra quyết định cho vay.

** Lựa chọn khách hàng*

Lựa chọn khách hàng để cấp tín dụng luôn là một quyết định quan trọng trong hoạt động tín dụng của ngân hàng. Dựa vào cơ sở nào để ngân hàng quyết định cho vay hay từ chối cho vay? Khi xem xét quyết định cho vay ngân hàng thường căn cứ vào tài sản đảm bảo, phương án sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, khả năng trả nợ,... Tuy nhiên hiện nay bên cạnh các tiêu chí như trên thì kết quả xếp hạng tín dụng cũng là một nhân tố quan trọng hỗ trợ cho việc lựa chọn đối tượng khách hàng tốt, đem lại lợi nhuận cho ngân hàng.

** Hỗ trợ hoạt động phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro*

Theo điều 7 của quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng thì hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ là căn cứ để tổ chức tín dụng phân loại nợ và xây dựng chính sách dự phòng rủi ro.

Theo quy định này thì hiện các TCTD có thể sử dụng hai phương pháp phân loại nợ: phương pháp định lượng và phương pháp định tính. Trong đó phương pháp định lượng là phân loại nợ theo tuổi nợ, còn phương pháp định tính lại căn cứ dựa trên hệ thống XHTD nội bộ và chính sách dự phòng rủi ro của TCTD đó được NHNN chấp thuận. Kết quả XHTD là điểm tổng hợp và tổng hợp lại với các mức trên thang điểm là nhóm nợ tổng hợp.

Hệ thống xếp hạng hiệu quả hỗ trợ cho việc sử dụng phương pháp định tính để xác định mức dự trữ của các khoản tín dụng, từ đó giúp phân loại nợ chính xác hơn, việc tính được tiền thuế sẽ giúp trích lập dự phòng theo tỷ lệ phù hợp, góp phần vào thông lệ quốc tế.